

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0652001 - Cơ lý thuyết
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần Anh	Thông	3651010075	12/11/1994	,00		,00	Nợ HP
2	Hồ Đắc Minh	Thành	3651010089	14/04/1994	,00		,00	Nợ HP
3	Trịnh Phú	Quý	3651010105	27/10/1994	,00		,00	Nợ HP
4	Phạm Nguyễn Công	Danh	3655010054	06/11/1993	,00		,00	
5	Dương Trọng	Hiền	3655010086	01/06/1994	,00		,00	
6	Dương Đình	Chí	3751010025	21/10/1995	,00		,00	CT
7	Trần Kim	Tiến	3751010048	03/05/1993	3,50		3,50	
8	Trương Tấn	Sang	3751010073	14/05/1995	,00		,00	
9	Trần Minh	Phát	3751010097	14/12/1994	7,00		7,00	
10	Nguyễn Văn	Quang	3751010099	28/10/1995	2,90		2,90	
11	Phạm Đình	Hưng	3751010103	06/02/1994	2,60		2,60	
12	Chu Trần Phước	Lộc	3751010160	23/03/1995	,00		,00	
13	Nguyễn Đức	Tri	3751010164	12/07/1995	,00		,00	
14	Nguyễn Mậu	Chung	3752010047	26/07/1995	,00		,00	CT
15	Nguyễn Mỹ	Huy	3755010013	15/12/1995	,00		,00	
16	Đặng Thanh	Tùng	3755010014	27/01/1995	,00		,00	
17	Nguyễn Văn	Kiệt	3755010016	01/08/1995	2,60		2,60	
18	Huỳnh Văn	Học	3755010023	09/10/1995	2,90		2,90	
19	Phạm Tuấn	Đạt	3755010029	06/08/1995	,00		,00	
20	Trương Công	Toàn	3755010030	08/06/1994	3,40		3,40	
21	Nguyễn Long	Hải	3755010031	04/10/1995	4,90		4,90	
22	Dương Văn	Một	3755010034	10/01/1995	3,10		3,10	
23	Nguyễn Hoàng	Phúc	3755010038	16/06/1995	,00		,00	
24	Lê Công Tấn	Phát	3755010041	05/01/1994	3,10		3,10	
25	Đoàn Tiến	Dũng	3755010042	01/10/1992	,00		,00	
26	Tào Quang	Bửu	3755010045	20/05/1995	3,10		3,10	
27	Nguyễn Tuấn	Hào	3755010053	23/05/1995	,00		,00	CT
28	Trần Hồ Bảo	Duy	3755010059	22/11/1994	,00		,00	
29	Đỗ Xuân	Thành	3755010067	08/03/1995	,00		,00	
30	Mai Ngọc	Ẩn	3755010068	15/07/1995	2,60		2,60	
31	Bùi	Lệ	3755010072	27/07/1995	4,40		4,40	
32	Lê Hoài	Thương	3755010079	26/04/1994	3,60		3,60	
33	Trần Lê Quang	Huy	3755010080	26/10/1995	2,90		2,90	
34	Đoàn Ngọc	Điệp	3755010081	16/01/1995	3,60		3,60	
35	Bùi Tấn	Hùng	3755010088	14/04/1995	4,00		4,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phạm Văn	Hiệp	3755010102	09/04/1994	7,10		7,10	
37	Võ Chí	Phuong	3755010166	24/02/1994	4,70		4,70	
38	Trần	Long	3755010170	06/03/1993	3,80		3,80	
39	Võ Ngọc	Minh	3755010173	30/09/1993	,00		,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)